TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MÊ LINH** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc ----------

Bản án số: 60/2023/ST-HNGĐ
Ngày 15/3/2023
Về Tranh chấp về nuôi con, chia tài sản của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MÊ LINH, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Huy Duệ.
Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Kiều Xuân Mai.
2/ Bà Dương Thị Kim Lan.
- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Hữu Mỹ – Thư ký Toà án ND huyện Mê Linh
- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Mê Linh tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Hương Mai – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mê Linh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 356/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2022. Về Tranh chấp về nuôi con chia tài sản của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2023/QĐXX- HNGĐ ngày 09/02/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2023/QĐ-HPT ngày 24/02/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **Cao Thị Q**, sinh năm 1998.
HKTT: thôn T, xã HC, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.
Chỗ ở tạm trú: thôn TM, xã ML, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội
- *Bị đơn*: Anh **Lê Văn Đ**, sinh năm 1981.
HKTT: X8, thôn HK, xã HK, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội.
Chỗ ở: X8, thôn HK, xã HK, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội.
Có mặt: Chị Q.
Vắng mặt: Anh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ghi ngày 20/10/2022 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Cao Thị Q trình bày*: Chị Q và anh Đ tự do tìm hiểu, tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2016, có tổ chức cưới theo phong tục tập quán ở địa phương; sau khi cưới chị Q và anh Đ về chung sống với nhau tại gia đình anh Đ; ở X8, thôn HK, xã HK, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội; nhưng chưa có đăng ký kết hôn; Lý do chưa có đăng ký kết hôn là do anh Đ đã có vợ là chị Trần Ngọc T, nhưng anh Đ và chị T sống ly thân với nhau, chưa ly hôn.

Trong quá trình chung sống, chị Q và anh Đ phát sinh nhiều mâu thuẫn; từ tháng 3/2021 đến nay, chị Q và anh Đ có nhiều mâu thuẫn sâu sắc và trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn chính là do chị Q và anh Đ không có đăng ký kết hôn; sống không hợp nhau trong tính cách; bất đồng trong cuộc sống hàng ngày dẫn đến chị Q và anh Đ cãi nhau; ngoài ra anh Đ nghiện ma túy và thường xuyên đánh đuổi chị Q, làm cho cuộc sống gia đình bị ức chế; cuộc sống không hòa thuận, hạnh phúc. Do chị Q và anh Đ có nhiều mâu thuẫn, nên chị Q thuê nhà ở riêng từ ngày 07/3/2021 đến nay và hai bên không còn quan hệ hay trách nhiệm gì với nhau. Nay chị Q xác định không thể chung sống được với anh Đ; chị Q yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận chị Q và anh Đ là vợ chồng.

Về con chung: Chị Q và anh Đ có 02 con chung là Lê Minh P, sinh ngày 06/5/2016 và Lê Minh L, sinh ngày 26/11/2017. Hiện hai con đang ở cùng anh Đ; chị Q yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu P; anh Đ được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu L, đến khi hai con chung thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc khi có quyết định khác của Tòa án. Chị Q và anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Q và anh Đ xin thỏa thuận tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, đến khi hai con chung thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc khi có quyết định khác của Tòa án. Hiện tại chị Q làm nghề phun săm thẩm mỹ, thu nhập bình quân khoảng 9.000.000 đồng/tháng

Về tài sản: Về tài sản chung, công sức, nợ, nhà ở, đất ở, đất nông nghiệp: Chị Q xác định không có gì, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về án phí sơ thẩm: Chị Q xin chịu cả.

Ngoài ra, chị Q không còn ý kiến hay yêu cầu gì thêm.

* *Bị đơn anh Lê Văn Đ* hiện có mặt tại địa phương nơi cư trú, đã được Tòa án giao thông báo thụ lý vụ án; giao giấy triệu tập đến Tòa án làm việc và giao thông báo về mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh Đ không đến Tòa án làm việc và không cung cấp ý kiến cho Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mê Linh tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tr□ớc thời điểm Hội đồng xét xử nghị án chấp hành theo đúng qui định của pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của người tham gia tố tụng dân sự là nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tr□ớc thời điểm Hội đồng xét xử nghị án chấp hành theo đúng qui định của pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của người tham gia tố tụng dân sự là bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tr□ớc thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là không chấp hành theo đúng qui định của pháp luật.

Sau khi phân tích đánh giá chứng cứ và lời khai đương sự tại phiên tòa. Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng Điều 147; Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự .

- Áp dụng khoản 7 Điều 3; Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội. Qui định về án phí.

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Cao Thị Q.

+ Không công nhận chị Cao Thị Q và anh Lê Văn Đ là vợ chồng.

+ Về con: Giao cho chị Q được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lê Minh L, sinh ngày 26/11/2017; giao cho anh Đ được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lê Minh P, sinh ngày 06/5/2016 cho đến khi hai con chung thành niên (đủ 18 tuổi), nếu không có sự thay đổi khác. Chị Q và anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không ai đ□ợc cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung, đến khi có sự thay đổi khác.

+ *Về tài sản*: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết

+ Án phí ly hôn: Đương sự phải chịu án phí theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đ□ợc thẩm tra, đánh giá tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Vụ án thụ lý có quan hệ pháp luật về Tranh chấp về nuôi con chia tài sản của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn.

[2] Về thẩm quyền: Anh Đ có đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở tại xã HK, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án huyện Mê Linh theo qui định tại khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về thủ tục: Anh Đ hiện có mặt tại địa phương nơi cư trú, đã được Tòa án giao thông báo thụ lý vụ án, triệu tập đến Tòa án làm việc, thông báo hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử theo đúng qui định của pháp luật tố tụng dân sự, nhưng anh Đ đều không có mặt để làm việc và không cung cấp ý kiến cho Tòa án; tại phiên tòa lần đầu và lần này anh Đ vẫn vắng mặt. Vì vậy, Toà án xét xử vắng mặt anh Đ và dành quyền kháng cáo cho anh Đ theo quy định của pháp luật.

[4] Về nội dung:

[4.1] Về hôn nhân: Chị Q yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận chị Q và anh Đ là vợ chồng. Căn cứ vào các lời khai của các đương sự; tài liệu chứng cứ điều tra xác minh thu thập được. Nhận thấy: Chị Q và anh Đ chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2016, trên cơ sở tự nguyện, có sự đồng ý của hai gia đình và có tổ chức cưới theo phong tục tập quán ở địa phương; sau khi cưới chị Q và anh Đ về chung sống với nhau tại gia đình anh Đ; ở X8, thôn HK, xã HK, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội, nhưng đến nay không đăng ký kết hôn theo qui định của pháp luật, nên không được công nhận là vợ chồng. Vì vậy, tuyên bố chị Q và anh Đ không phải là vợ chồng.

[4.2] Về con: Chị Q và anh Đ có 02 con chung là Lê Minh P, sinh ngày 06/5/2016 và Lê Minh L, sinh ngày 26/11/2017. Hiện tại hai con đang ở cùng anh Đ; chị Q yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu P; anh Đ được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu L, đến khi hai con chung thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc khi có quyết định khác của Tòa án. Chị Q và anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Xét thấy: Việc giao con chưa thành niên cho ai trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục phải căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con và cũng là quyền, nghĩa vụ của cha, mẹ đối với con chưa thành niên. Hiện tại hai con chung đang ở với anh Đ và do anh Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục từ trước đến nay; hai cháu vẫn ổn định và phát triển bình thường; Tại phiên tòa, anh Đ không có lời khai và vắng mặt, nếu để một trong hai bên được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung thì sẽ khó khăn cho cả hai bên. Vì vậy, giao cho chị Q được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu L; giao cho anh Đ được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu P, đến khi hai con chung thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc khi có quyết định khác của Tòa án. Chị Q và anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không ai được cản trở là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Q được giao trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu L; anh Đ được giao trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu P. Vì vậy, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau đến khi hai con chung thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc khi có quyết định khác của Tòa án.

[4.3] Về tài sản: Tài sản chung, công sức, nợ, nhà ở, đất ở, đất nông nghiệp: Chị Q xác định không có, không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết; anh Đ không có lời khai và vắng mặt tại phiên Tòa. Vì vậy, dành lại giải quyết sau bằng vụ kiện dân sự khác, nếu có tài sản mà các bên có yêu cầu.

[4.4] Về án phí sơ thẩm: Chị Q phải chịu theo quy định của pháp luật.

[4.5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 53, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Khoản 7 Điều 28, Điều 203, Điều 220, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Điểm a, khoản 1 Điều 24; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Kèm theo Danh mục án phí, lệ phí Tòa án

Xử:

[1] Về hôn Nhân: Tuyên bố chị Cao Thị Q và anh Lê Văn Đ không phải là vợ chồng.

[2] Về con: Chị Q và anh Đ có 02 con chung là Lê Minh P, sinh ngày 06/5/2016 và Lê Minh L, sinh ngày 26/11/2017; Giao cho chị Q được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lê Minh L; giao cho anh Đ được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lê Minh P, đến khi hai con chung thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc khi có quyết định khác của Tòa án. Chị Q và anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Q được giao trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu L; anh Đ được giao trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu P. Vì vậy, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho

nhau, đến khi hai con chung thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc khi có quyết định khác của Tòa án.

[3] Về tài sản: Tài sản chung, công sức, nợ, nhà ở, đất ở, đất nông nghiệp: Rành lại giải quyết sau bằng vụ kiện dân sự khác, nếu có tài sản mà các bên có yêu cầu.

[4] Về án phí: Án phí sơ thẩm 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, chị Q phải chịu để sung công quỹ nhà n□ớc, nh□ng đ□ợc trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm chị Q đã nộp theo biên lai thu số AA/2020/0020791 ngày 14/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mê Linh. Chị Q đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

[5] □n xử sơ thẩm công khai chị Q có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Anh Đ có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt án vắng mặt.

Nơi nhận:
- Các đương sự.
- VKSNDH. Mê Linh.
- TAND TP. Hà Nội.
- THADS huyện Mê Linh
- Cơ quan nơi đăng ký kết hôn.
- L- u hồ sơ vụ án.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Lê Huy Duệ